

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



TIỂU LUẬN KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: Logic học đại cương

ĐỀ TÀI:

**Phép định nghĩa khái niệm và các lỗi vi phạm quy tắc
định nghĩa khái niệm thông qua các tình huống thực tế**

Giảng viên hướng dẫn : Đào Thị Hữu

Sinh viên thực hiện : Lê Thế Điệp

Lớp : K22LKTC

Mã sinh viên : 22A4060177

Hà nội, ngày 10 tháng 07 năm 2020

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	1
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	1
4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu.....	2
5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài.....	2
NỘI DUNG.....	3
Phần 1: Phần lý luận chung	3
1. Khái niệm.....	3
2. Định nghĩa khái niệm	3
Phần 2: Liên hệ thực tế và liên hệ bản thân	5
2.1. Liên hệ thực tế các lỗi logic vi phạm quy tắc định nghĩa khái niệm thông qua các tình huống thực tế.....	5
2.2. Liên hệ bản thân các lỗi logic vi phạm quy tắc định nghĩa khái niệm thông qua các tình huống thực tế	7
KẾT LUẬN.....	10
TÀI LIỆU THAM KHẢO	

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài:

Logic học là môn khoa học nghiên cứu về cấu trúc của sự suy luận chính xác. Cùng với ngôn ngữ, logic là phương tiện, là công cụ để con người hiểu biết, trao đổi tư tưởng với nhau. Mọi suy nghĩ của con người cũng đều phụ thuộc vào các quy luật lôgic và các hình thức tư duy. Tuy nhiên, vì thiếu những kiến thức có hệ thống nên không ít người không ý thức rõ sai lầm trong suy luận. Như vậy, lôgic học chiếu rọi vào kinh nghiệm tư duy của mỗi người giúp con người chủ động và tự giác hơn, thể hiện tính chính xác, tính đúng đắn, nâng cao hiệu quả và tính thuyết phục của các tư tưởng.

Trong đời sống cũng như trong khoa học, định nghĩa khái niệm là rất cần thiết, nó giúp mọi người hiểu đầy đủ, chính xác và thống nhất. Vì vậy, việc nghiên cứu các khái niệm và phát hiện những sai lầm lôgic trong khái niệm là rất cần thiết nhằm đưa con người thay đổi tư duy, phát triển năng lực bản thân tối đa và mang nhiều bước phát triển mới cho khoa học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu:

Đề tài nghiên cứu sẽ hệ thống hóa cơ sở lý luận về phép định nghĩa khái niệm, làm rõ các lỗi logic vi phạm quy tắc định nghĩa khái niệm thông qua các tình huống thực tế và đưa ra những giải pháp thiết thực.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là phép định nghĩa khái niệm và các lỗi logic vi phạm quy tắc định nghĩa khái niệm thông qua các tình huống thực tế.

Phạm vi về không gian: Việt Nam

Phạm vi về thời gian: giai đoạn hiện nay

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu :

Cơ sở lý luận: quan điểm của logic học về hình thức và quy luật của tư duy.

Phương pháp nghiên cứu: Phương pháp thống nhất logic và lịch sử khái quát hóa và hệ thống hóa, phân tích và tổng hợp lý thuyết.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài:

Ý nghĩa lý luận: đề tài đã trang bị nhận thức cho sinh viên, giúp sinh viên hiểu rõ hơn về vấn đề phép định nghĩa khái niệm và các lỗi logic vi phạm quy tắc định nghĩa khái niệm thông qua các tình huống thực tế.

Ý nghĩa thực tiễn: đề tài là cơ sở giúp sinh viên vận dụng tốt phép định nghĩa khái niệm và tránh mắc lỗi vi phạm quy tắc định nghĩa khái niệm thông qua các tình huống thực tế.

NỘI DUNG

Phần 1: Phần lý luận chung

1. Khái niệm:

Khái niệm: là hình thức cơ bản của tư duy phản ánh gián tiếp và khái quát đối tượng thông qua những dấu hiệu bản chất khác biệt của chúng.

2. Định nghĩa khái niệm :

2.1. Bản chất của định nghĩa khái niệm :

Bản chất: định nghĩa khái niệm là thao tác logic nhằm vạch ra những dấu hiệu cơ bản nhất của nội hàm của khái niệm.

Sự cần thiết của định nghĩa khái niệm: định nghĩa khái niệm giúp ta:

Thứ nhất, tổng kết điểm của cả một quá trình nhận thức.

Thứ hai, làm rõ ý nghĩa của thuật ngữ thể hiện khái niệm.

Thứ ba, dùng thuật ngữ cũ nhưng ở nghĩa mới

2.2. Kết cấu của định nghĩa khái niệm :

Khái niệm được định nghĩa (Dfd: Definiendum): là khái niệm cần phải xác định dấu hiệu trong nội hàm của nó.

Khái niệm dùng để định nghĩa (Dfn: Definiens): là khái niệm có những dấu hiệu chung và cơ bản cấu thành nội hàm của khái niệm được định nghĩa.

$$Dfd = Dfn$$

2.3. Các quy tắc định nghĩa:

Quy tắc 1: Định nghĩa phải cân đối

Ngoại diên của khái niệm dùng để định nghĩa (Dfn) phải trùng với ngoại diên của khái niệm được định nghĩa (Dfd): $ngd\ Dfn = ngd\ Dfd$

Định nghĩa cân đối thể hiện mối quan hệ đồng nhất giữa khái niệm được định nghĩa với khái niệm dùng để định nghĩa.

Sự vi phạm quy tắc trên dẫn đến các lỗi sau:

Định nghĩa quá rộng: khi ngoại diên của khái niệm dùng để định nghĩa lớn hơn ngoại diên của khái niệm được định nghĩa. ($ngd\ D_{fn} > ngd\ D_{fd}$), tức là ngoại diên của khái niệm cần định nghĩa bị bao hàm trong ngoại diên của khái niệm dùng để định nghĩa.

Định nghĩa quá hẹp: Khi ngoại diên của khái niệm dùng để định nghĩa nhỏ hơn ngoại diên của khái niệm được định nghĩa, ($D_{nf} < D_{fd}$). Hai khái niệm này vẫn đang nằm trong quan hệ bao hàm, nhưng lúc này khái niệm dùng để định nghĩa là khái niệm bị bao hàm.

Định nghĩa vừa quá rộng vừa quá hẹp: mang lại khái niệm vừa không bao quát được hết các đối tượng thỏa mãn nội hàm của nó vừa bao gồm cả những đối tượng không thỏa mãn nội hàm đó.

Quy tắc 2: Không được định nghĩa vòng quanh:

Đây là kiểu định nghĩa, trong đó khái niệm dùng để định nghĩa lại được xác định nội hàm thông qua khái niệm cần định nghĩa, hoặc nội hàm của khái niệm cần định nghĩa lại được giải thích thông qua những khái niệm khác mà nội hàm còn chưa rõ ràng.

Quy tắc 3: Không dùng mệnh đề phủ định trong định nghĩa:

Quy tắc này yêu cầu trong một định nghĩa khoa học nên hạn chế việc dùng định nghĩa để phủ định (D_{fd} không là D_{fn} hoặc D_{fd} là không phải D_{fn}). Bởi việc dùng nó rất có thể dẫn đến việc không làm rõ nội hàm của khái niệm được định nghĩa. Trong khoa học chỉ có thể dùng định nghĩa là một mệnh đề phủ định khi phải đồng thời thỏa mãn 2 điều kiện:

Thứ nhất: Khái niệm dùng để định nghĩa và khái niệm được định nghĩa phải nằm trong quan hệ mâu thuẫn.

Thứ hai: Nội hàm của khái niệm dùng để định nghĩa đã được làm rõ bằng định nghĩa khẳng định.

Quy tắc 4: Định nghĩa phải tường minh: tức là định nghĩa rõ ràng chính xác ngắn gọn.

Quy tắc này yêu cầu những thuật ngữ được sử dụng trong định nghĩa phải ngắn gọn, rõ và đơn nghĩa, tránh dùng từ ngữ mập mờ, đa nghĩa, hoặc là những từ ví von so sánh dễ tạo ra hiểu lầm về đối tượng được định nghĩa.

Phần 2: Liên hệ thực tế và liên hệ bản thân:

2.1. Liên hệ thực tế các lỗi logic vi phạm quy tắc định nghĩa khái niệm thông qua các tình huống thực tế:

Mặc dù khái niệm là hình thức cơ bản của tư duy tuy nhiên, trên thực tế lại có rất ít người nắm rõ được một cách hệ thống nhất không chỉ các quy tắc định nghĩa và sử dụng khái niệm mà cả vai trò của việc sử dụng đúng các khái niệm trên thực tế. Chính vì vậy, trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, chúng ta không khó để bắt gặp những tình huống dở khóc dở cười vì sử dụng sai các khái niệm.

Sau đây là những lỗi sai thường gặp có thể chia thành các nhóm sau:

2.1.1. Định nghĩa không cân đối:

Định nghĩa quá rộng: Trong thời gian hiện nay, thời kỳ công nghệ - thông tin phát triển đã có “những học sinh, sinh viên nghiện chơi điện tử là những thanh niên hư hỏng”. Như vậy, đây là định nghĩa mắc lỗi định nghĩa quá rộng. Cụ thể ngoại diên của khái niệm dùng để định nghĩa “*thanh niên hư hỏng*” rộng hơn ngoại diên của khái niệm được định nghĩa “*những học sinh, sinh viên nghiện chơi điện tử*” dẫn đến $D_{fd} < D_{fn}$. Không phải tất cả những thanh niên hư hỏng đều là nhưng người nghiện chơi điện tử, có thể họ hư hỏng nhưng không có thể là họ nghiện chơi game như các bạn học sinh, sinh viên.

Định nghĩa quá hẹp:

Ví dụ: có một định nghĩa là “Những người thành công là những người học giỏi”. Nhìn qua đây thì có vẻ như định nghĩa này khá là hợp lý, nhưng thực chất nó đang mắc lỗi định nghĩa quá hẹp một lỗi khá phổ biến trong cuộc sống. Cụ thể ngoại diên của khái niệm dùng để định nghĩa “*những người học giỏi*” hẹp hơn ngoại diên của khái niệm được định nghĩa “*những người thành công*”, Dfn không bao quát hết được những đối tượng thỏa mãn nội hàm của Dfd bởi lẽ những người thành công không chỉ là những người học giỏi mà còn bao gồm cả những người chăm chỉ, siêng năng; những người biết tận dụng cơ hội để thành công.

Định nghĩa vừa quá rộng vừa quá hẹp:

Ví dụ: “Những người đá bóng giỏi đều là cầu thủ bóng đá chuyên nghiệp”.

Ngoại diên của khái niệm dùng để định nghĩa “*cầu thủ bóng đá chuyên nghiệp*” vừa quá rộng, vừa quá hẹp so với ngoại diên của khái niệm được định nghĩa “*những người đá bóng giỏi*”, điều này dẫn đến Dfn vừa không bao quát hết được đối tượng thỏa mãn nội hàm của Dfd vừa bao gồm cả những đối tượng không thỏa mãn nội hàm đó.

2.1.2. Định nghĩa vòng quanh:

Ví dụ thực tế này dễ bắt gặp ở rất nhiều bạn sinh viên ngành luật “*Vi phạm pháp luật là các hành vi vi phạm luật pháp*” hay một định nghĩa khác “*Tội phạm là những kẻ phạm tội*”. Những câu định nghĩa này của sinh viên khiến cho không ít thầy cô không biết nên khóc hay nên cười vì độ “*ngây thơ*” của các trò. Những bạn sinh viên trên đang mắc phải *lỗi định nghĩa vòng quanh*: khái niệm dùng để định nghĩa lại được xác định nội hàm thông qua khái niệm cần được định nghĩa, thậm chí nội hàm của khái niệm cần định

nghĩa lại được giải thích thông qua những khái niệm khác mà nội hàm còn chưa rõ ràng.

2.1.3. Dùng mệnh đề phủ định trong định nghĩa:

Ví dụ: Rất nhiều bạn hay định nghĩa một khái niệm bằng cách *dùng mệnh đề phủ định* như: “*Động sản là không phải bất động sản*”, “*Có hiệu lực nghĩa là không bị vô hiệu hóa*” hay “*Người vị thành niên không phải là người trưởng thành*”. Những định nghĩa kiểu như vậy không những không làm rõ được nội hàm của đối tượng được định nghĩa mà còn khiến chúng ta rơi vào lối suy nghĩ vòng vo, diễn đạt không rõ nghĩa.

2.1.4. Định nghĩa tường minh:

Ví dụ: Trong cổ tích Việt Nam có câu chuyện cổ tích:

“Con cóc là cậu ông trời

Hễ ai đánh Cóc thì trời đánh cho”

Đây là một định nghĩa theo truyện cổ tích của người xưa truyền lại qua các đời thể hiện được quyền hạn, sự lớn mạnh của con Cóc trong chuyện cổ, tuy nhiên nếu nhìn nhận ở một góc nhìn khác là logic học thì câu định nghĩa này đang là minh chứng cho lỗi logic đó là lỗi *định nghĩa không tường minh*. Những thuật ngữ dùng để định nghĩa trong ví dụ này không rõ ràng, chính xác một nghĩa mà đều là những từ ví von, so sánh, dễ gây hiểu nhầm, hiểu sai về đối tượng. Mặc dù mục đích của đối tượng này là để mang đến ý nghĩa nhân văn sâu sắc cho mọi người nhưng đây cũng chính là bài học để mỗi chúng ta khi sử dụng các khái niệm trong những công việc, học tập có thể tránh mắc phải lỗi tương tự.

2.2. Liên hệ bản thân các lỗi logic vi phạm quy tắc định nghĩa khái niệm thông qua các tình huống thực tế:

Trong cuộc sống hằng ngày, việc mắc lỗi logic trong hoạt động giao tiếp hay trong việc định nghĩa các khái niệm là không thể tránh khỏi. Để có

thể giải quyết được vấn đề trên nhóm nghiên cứu xin đưa ra một số giải pháp chữa lỗi logic và tránh việc mắc phải những lỗi sai đó trong việc sử dụng ngôn ngữ như sau:

Thứ nhất, để tránh khỏi việc mắc các lỗi logic trong việc sử dụng các khái niệm điều quan trọng nhất là phải tuân thủ bốn quy tắc định nghĩa khái niệm. Tránh trường hợp mắc lỗi nghiêm trọng trước khi định nghĩa hay sử dụng bất kì khái niệm nào chúng ta nên tuân thủ các quy tắc đã được nhóm nghiên cứu nêu ở phần lí luận.

Thứ hai, đặt vấn đề vào từng hoàn cảnh cụ thể, trong mỗi hoàn cảnh khác nhau việc sử dụng các khái niệm là khác nhau. Vì vậy, cần phân chia nhỏ các khái niệm vào từ hoạt động cụ thể tránh việc định nghĩa sai do không phân tích các vấn đề không đến tận cùng, khiến định nghĩa nhầm hiểu sai ý. Việc phân chia khái niệm giúp người ta nắm bắt được các sự vật hiện tượng một cách có hệ thống, tạo ra tính trình tự trong quá trình lập luận, không lẫn lộn giữa đối tượng này với đối tượng khác hoặc không bỏ sót các đối tượng.

Thứ ba, cần xem xét đối tượng một cách tổng quát khi sử dụng các khái niệm để định nghĩa. Tránh nhưng trường hợp ngoại diên của khái niệm dùng để định nghĩa quá rộng so với ngoại diên khái niệm được định nghĩa.

Thứ tư, xem xét đến vấn đề có liên quan đến khái niệm cần định nghĩa không nói vòng quanh vô nghĩa, muốn kết luận đưa ra khái niệm của một vấn đề cần xem xét những phạm trù liên quan. Không xem xét vòng quanh một nghĩa khiến người nghe khó hiểu rõ nghĩa của khái niệm.

Thứ năm, từ ngữ khi định nghĩa các khái niệm phải rõ ràng một nghĩa, không sử dụng các từ ngữ mang cảm thán để định nghĩa một khái niệm khoa học. Khiến người nghe hiểu sai vấn đề, không hiểu được vấn đề đưa ra.

Thứ sáu, định nghĩa không chỉ là kết quả hoạt động nhận thức, mà còn là quá trình phức tạp, rất lâu dài, vì bản chất đối tượng không nằm trên bề mặt mà ẩn dấu sau vô lượng các hiện tượng và tạo nên cơ sở sâu sắc của chúng. Vì

vậy để có một định nghĩa tốt cần phải am hiểu tình trường và đối tượng quan tâm.

Thứ bảy, để có thể cải thiện được suy nghĩ, cách sử dụng ngôn ngữ có hiệu quả ta nên nhận thức được tầm qua trọng của bộ môn logic, đưa môn học và các nhà trường để tạo vốn tư duy mạch lạc cho học sinh, sinh viên, ngoài ra có thể tạo ra các câu lạc bộ, các buổi ngoại khóa nói liên quan đến môn học.

KẾT LUẬN

Việc nghiên cứu phép định nghĩa khái niệm và các lỗi logic vi phạm quy tắc định nghĩa khái niệm thông qua các tình huống thực tế là rất cần thiết. Vì chúng ta thường chọn cách lập luận tiện nhất, dễ nhất với mình mà đôi khi không nghĩ kỹ để cách lập luận sao cho đúng, đặc biệt trong vận dụng các quy luật của logic hình thức và logic biện chứng. Vì vậy, bài viết này như một thức tỉnh tôi về thực tế suy luận của bản thân và cũng là báo động chung cho tất cả mọi người tránh sa vào những lỗi đã nêu rất dễ mắc phải.

Mong muốn của tôi là chúng ta hạn chế được các lỗi suy luận bằng cách tiếp tục chia sẻ kinh nghiệm suy luận của mình để cùng có chung cách suy luận tốt và đúng đắn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thúy Vân – Nguyễn Tuấn Anh (2013), Logic học đại cương, NXB đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
2. TS. Lê Thanh Thập (2016), giáo trình Logic học, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội.